UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

Các ý kiến tham gia góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15. Ngày 07/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành công văn số 3980/SNNMT-PTNT ngày 17/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đăng tải và xin ý kiến góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (hạn ngày 23/7/2026).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức gửi xin ý kiến là 72 đơn vị gồm: 11 Sở, ngành tỉnh và 61 xã.

- Đến hết ngày 25/7/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được 41/72 văn bản góp ý. Trong đó:

+ Có 31/42 cơ quan, đơn vị nhất trí với hồ sơ xây dựng Nghị quyết gồm: Sở Công Thương, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND xã Ba Sơn, UBND xã Bắc Sơn, UBND xã Bằng Mạc, UBND xã Cai Kinh, UBND xã Cao Lộc, UBND xã Chiến Thắng, UBND xã Đình Lập, UBND xã Hoàng Văn Thụ, UBND xã Hữu Lũng, UBND xã Hội Hoan, UBND xã Kháng Chiến, UBND xã Khuất Xá, UBND xã Na Dương, UBND xã Nhất Hòa, UBND xã Quan Sơn, UBND xã Quốc Việt, UBND xã Quý Hòa, UBND xã Tân Đoàn, UBND xã Tân Thành, UBND xã Tân Tri, UBND xã Thái Bình, UBND xã Thống Nhất, UBND xã Tràng Định, UBND xã Tri Lễ, UBND xã Văn Lãng, UBND xã Vũ Lăng, UBND xã Vân Nham, UBND xã Xuân Dương, UBND xã Yên Bình. (*Có tổng hợp các văn bản góp ý gửi kèm*).

+ Có 10/41 cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung (chi tiết tại mục 2).

- Các cơ quan, đơn vị không có văn bản góp ý coi như nhất trí với dự thảo hồ sơ xây dựng Nghị quyết.

- Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (từ ngày 18/7/2026 đến 28/7/2026). Đến ngày 25/7/2026 không có ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp các ý kiến góp ý và tiếp thu, giải trình như sau:

STT	Chủ thể góp ý	Số ký hiệu văn bản	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
I	**Các ý kiến góp ý**			
1	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Công văn số 1074/MTTQ-BTT ngày 22/7/2026	Sửa đổi, bổ sung nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ xây dựng mô hình "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc" thuộc nội dung 01, nội dung thành phần 08, Hợp phần thứ nhất tại Khoản 8, Điều 3 dự thảo Nghị quyết: a) Đối tượng hỗ trợ: Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư xây dựng mô hình "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc". b) Nội dung hỗ trợ: - Hỗ trợ kinh phí tổ chức họp Nhân dân để thống nhất xây dựng mô hình; triển khai sơ, tổng kết mô hình; biểu dương khên thưởng tập thể cá nhân có thành tích trong xây dựng mô hình. - Hỗ trợ thăm hỏi hộ nghèo, đối tượng người có công, đối tượng người yếu thế, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gặp họa thiên tai, hỏa hoạn. - Hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền trực quan (pa nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, ...). - Hỗ trợ hoạt động tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tiêu chí môi trường, duy trì cảnh quan khu dân cư (mua dụng cụ, công cụ hỗ trợ công tác dọn dẹp vệ sinh môi trường tại cộng đồng khu dân cư ít nhất 02 lần/tháng; duy trì cảnh quan: trồng đường hoa, cây cảnh; trang trí nhà văn hóa, tuyến phố, tuyến đường, ...). - Hỗ trợ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giao lưu cộng đồng (tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ để kết nối cộng đồng, dự kiến tổ chức một hoạt động	Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung theo ý kiến góp ý.

			văn nghệ hoặc thể thao/năm, hỗ trợ chi nước uống, mua dụng cụ, trao giải, ...). c) Mức hỗ trợ: 25 triệu đồng/năm.	
2	Sở Tài chính	Công văn số 4567/STC-QLNS ngày 23/7/2026	**1.** Đối với dự thảo Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tại điểm 1.1, khoản 1, mục V, dự kiến nguồn lực, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm nội dung về nguồn vốn thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được, được cấp thẩm quyền cho chuyển sang thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình giai đoạn 2026 – 2030 theo quy định tại khoản 1, Điều 21, Thông tư 60/2026/TT-BTC để đảm bảo thống nhất với nội dung tại dự thảo Nghị quyết. - Để làm rõ cơ sở đề xuất mức hỗ trợ, đánh giá tác động đến ngân sách và bảo đảm tính phù hợp, khả thi của chính sách khi triển khai thực hiện: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung thuyết minh, giải trình tại biểu so sánh đối với từng nội dung, mức hỗ trợ quy định tại dự thảo Nghị quyết; trong đó làm rõ: (i) mức tăng, giảm (giá trị tuyệt đối và tỷ lệ %) so với mức hỗ trợ tương ứng áp dụng trong giai đoạn 2021–2025; (ii) dự kiến nhu cầu kinh phí phát sinh khi áp dụng các nội dung, mức hỗ trợ quy định tại dự thảo Nghị quyết trong giai đoạn 2026–2030; (iii) việc so sánh với mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân một số tỉnh, thành phố có điều kiện tương đồng hoặc lân cận đã ban hành (nếu có).	**1.** - Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý - Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý tại Bản so sánh, thuyết minh dự thảo.
			2. Chỉnh sửa những nội dung tương tự đối với dự thảo tờ trình của UBND tỉnh.	**2.** Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý.

			3. Đối với các quy định tại dự thảo Nghị quyết	
			3.1. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất sử dụng cụm từ "*nguồn kinh phí chi thường xuyên*" thay cho cụm từ "*nguồn kinh phí vốn sự nghiệp*" tại toàn bộ dự thảo Nghị quyết để bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ Tài chính và điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.	3.1. Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.
			3.2. Tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định nhiều mức hỗ trợ đối với các nội dung của Chương trình, tuy nhiên chưa quy định nguyên tắc áp dụng mức hỗ trợ và thẩm quyền quyết định mức hỗ trợ cụ thể. Để bảo đảm thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện, đề nghị bổ sung khoản đầu Điều 3 như sau: "*Mức hỗ trợ quy định tại Điều này là mức hỗ trợ tối đa từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện Chương trình. Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng nhiệm vụ, mô hình, dự án do cơ quan có thẩm quyền quyết định trên cơ sở dự toán chi tiết được phê duyệt, dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, khả năng cân đối nguồn kinh phí và các quy định của pháp luật có liên quan.*"	3.2. Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý: Bổ sung Khoản 1, Điều 3.
			3.3. Tại khoản 3 Điều 3 quy định hỗ trợ mô hình học tập cộng đồng: đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, làm rõ một số nội dung sau: - Đối với quy định hỗ trợ giáo viên được Ủy ban nhân	3.3. Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý. - Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến

			dân cấp xã phân công làm nhiệm vụ bán chuyên trách tại Trung tâm học tập cộng đồng, đề nghị quy định rõ số lượng giáo viên bán chuyên trách được hỗ trợ đối với mỗi Trung tâm học tập cộng đồng; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã phân công nhiều giáo viên làm nhiệm vụ bán chuyên trách thì cần làm rõ tất cả giáo viên đều được hưởng hỗ trợ hay chỉ hỗ trợ đối với một số lượng nhất định. Đồng thời, cần quy định nguyên tắc, tiêu chí hoặc điều kiện để lựa chọn giáo viên làm nhiệm vụ bán chuyên trách nhằm bảo đảm thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện. - Đối với nội dung hỗ trợ cước viễn thông, đề nghị nghiên cứu quy định theo mức hỗ trợ tối đa thay vì quy định mức hỗ trợ cố định 200.000 đồng/tháng/Trung tâm học tập cộng đồng. Lý do, trên thực tế có thể phát sinh trường hợp chi phí cước viễn thông thực tế thấp hơn mức hỗ trợ quy định; việc quy định mức hỗ trợ tối đa sẽ bảo đảm phù hợp với nguyên tắc chi theo chi phí thực tế phát sinh, đồng thời tạo thuận lợi trong công tác quản	góp ý: Bổ sung quy định số lượng giáo viên tối đa làm nhiệm vụ bán chuyên trách tại trung tâm học tập cộng đồng/năm. Đối với nội dung ý kiến: Đồng thời, cần quy định nguyên tắc, tiêu chí hoặc điều kiện để lựa chọn giáo viên làm nhiệm vụ bán chuyên trách nhằm bảo đảm thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện: Đây là nội dung cụ thể triển khai thực hiện do đó không quy định trong Nghị quyết của HĐND tỉnh mà do cơ quan phụ trách nội dung (Sở Giáo dục và Đào tạo) căn cứ các văn bản của Bộ hướng dẫn chuyên ngành hướng dẫn chung thực hiện các nội dung, nội dung thành phần thuộc Chương trình được giao chủ trì, trong đó bao gồm mô hình học tập cộng đồng thuộc nội dung 01, nội dung thành phần 04, Hợp phần thứ nhất. - Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý: Quy định mức hỗ trợ tối đa.

			lý, thanh toán và quyết toán kinh phí. - Đối với nội dung hỗ trợ xây dựng video hướng dẫn: đề nghị bổ sung quy định về tiêu chuẩn, yêu cầu đối với sản phẩm video; cơ quan, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu, xác nhận chất lượng sản phẩm để làm căn cứ thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định.	- Giữ nguyên như nội dung dự thảo, do: dự thảo đã quy định *"video hướng dẫn được Ban Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng phê duyệt sử dụng làm tài liệu dạy học trực tuyến";* các nội dung cụ thể do cơ quan phụ trách nội dung (Sở Giáo dục và Đào tạo) hướng dẫn thực hiện.
			3.4. Tại khoản 4 Điều 3, các nội dung và mức chi đều được dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại các nghị định, thông tư của cơ quan trung ương. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xem xét sự cần thiết của việc tiếp tục quy định các nội dung này trong Nghị quyết. Trường hợp nội dung, mức chi đã được quy định đầy đủ, cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và được áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước thì đề nghị nghiên cứu không quy định lại tại Nghị quyết nhằm tránh trùng lặp, bảo đảm đúng thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	3.4. Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý: Sở Giáo dục và Đào tạo đã đề xuất chỉnh sửa, bổ sung nội dung quy định.
			3.5. Tại khoản 5 Điều 3 quy định mức hỗ trợ từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/tháng, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định theo mức hỗ trợ tối đa thay vì quy định theo khoảng mức hỗ trợ để bảo đảm thống nhất với nguyên tắc xây dựng các nội dung hỗ trợ khác tại dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, việc quy định mức hỗ trợ tối đa sẽ tạo cơ sở để cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với nhu cầu phát sinh thực tế.	3.5. Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý: Quy định mức tối đa.

			3.6. Tại khoản 8 Điều 3, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định các mức hỗ trợ là mức hỗ trợ tối đa để bảo đảm thống nhất với các nội dung hỗ trợ khác tại dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, đề nghị quy định rõ số lượng cuộc họp được hỗ trợ hằng năm đối với các cuộc họp quy định tại điểm a và điểm b khoản 8 Điều 3 (ví dụ: tối đa bao nhiêu cuộc họp/năm) nhằm bảo đảm thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, làm cơ sở lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí và tránh việc tổ chức các cuộc họp vượt quá nhu cầu thực tế, gây tăng chi ngân sách.	3.6. Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã đề xuất, chỉnh sửa nội dung, mức hỗ trợ.
			3.7. Tại khoản 16 Điều 3 quy định mức hỗ trợ từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng/ hộ/ năm đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định theo mức hỗ trợ tối đa (hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/năm) thay vì quy định theo khoảng mức hỗ trợ để bảo đảm thống nhất với nguyên tắc xây dựng các nội dung hỗ trợ khác tại dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, việc quy định mức hỗ trợ tối đa sẽ tạo cơ sở để cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với nhu cầu phát sinh thực tế.	3.7. Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý: Quy định mức tối đa.
			3.8. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất cách quy định về mức hỗ trợ trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết. Hiện nay, tại các điều, khoản còn sử dụng chưa thống nhất các cụm từ như "tối đa không quá", "không quá" và "tối đa". Đề nghị lựa chọn một cách diễn đạt thống nhất để bảo đảm tính chặt chẽ, thống nhất về kỹ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.	3.8. Tiếp thu, rà soát bổ sung theo ý kiến góp ý: thống nhất quy định mức hỗ trợ tối đa.
3	Sở Tư pháp	Công văn số 2329/STP-NVI ngày 23/7/2026	**1. Dự thảo Nghị quyết** 1.1. Phần căn cứ pháp lý Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 10,	**1. Dự thảo Nghị quyết** 1.1. Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý.

			Quốc hội khóa XV. 1.2. Điều 3. Mức hỗ trợ **1.3.** **- Gạch đầu dòng thứ hai, điểm b khoản 4,** dự thảo quy định *"Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng: Nội dung và mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 152/2016/TT-BTC, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 40/2019/TT-BTC"* Đề nghị bổ sung và sửa như sau: *"Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng: Nội dung và mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 152/2016/TT-BTC* ***được sửa đổi, bổ sung bởi*** *khoản 3 Điều 1 Thông tư số 40/2019/TT-BTC*" cho đầy đủ. **- Điểm b khoản 9,** dự thảo quy định "*Hỗ trợ xây dựng mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tối đa không quá 70% tổng kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/mô hình"* Tuy nhiên, *Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh* ***giai đoạn 2021 – 2025*** đã hết giai đoạn thực hiện. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định phù hợp với quy định hiện hành. **- Điểm c khoản 9,** dự thảo quy định "*Hỗ trợ xây dựng mô hình camera AI giám sát khu vực nông thôn đáp ứng*	1.2. Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý: - Sở Giáo dục và Đào tạo đã đề xuất chỉnh sửa, bổ sung nội dung quy định. - Công an tỉnh đã đề xuất chỉnh sửa theo ý kiến góp ý. - Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.

			QCVN 135:2024/BTTTT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức internet - các yêu cầu an toàn thông tin cơ bản; đáp ứng QCVN "Camera giám sát sử dụng giao thức internet - Các yêu cầu an ninh cơ bản của Bộ Công an": Mức hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 01 tỷ đồng/mô hình." Tuy nhiên, *QCVN 135:2024/BTTTT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức internet - các yêu cầu an toàn thông tin cơ bản đã hết hiệu lực* và được thay thế bởi ***QCVN 11:2026/BCA*** *quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức internet - các yêu cầu an ninh mạng cơ bản*. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cho phù hợp.	
			2. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung báo cáo đánh giá tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn làm cơ sở cho việc xây dựng dự thảo.	**2.** Tiếp thu, bổ sung Báo cáo đánh giá tổng kết.
			3. Bản so sánh, thuyết minh dự thảo: Hiện hồ sơ dự thảo chỉ có nội dung thuyết minh, chưa có nội dung so sánh đối với Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung.	**3.** Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý: Bổ sung các nội dung tại Bản so sánh, thuyết minh đối với 05 nội dung được quy định tại Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND.
4	Công an tỉnh	Công văn số 6722/CAT-TM ngày 22/7/2026	Đề nghị xem xét, chỉnh sửa nội dung tại điểm b, khoản 9, Điều 3 của dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: *"Hỗ trợ xây dựng mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê*	Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.

			duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tối đa không quá 70% tổng kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/mô hình" thành **"Hỗ trợ xây dựng mô hình chuyển đổi số theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg, ngày 29/12/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030: Mức hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 500 triệu đồng/mô hình"**. Lý do: Hiện tại, công tác chuyển đổi số được triển khai tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 51/2025/QĐ TTg, ngày 29/12/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.	
5	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công văn số 980/BCH-TM ngày 24/7/2026	Qua rà soát, Bộ CHQS tỉnh và Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng hiện nay đang thực hiện các dự án thuộc ngân sách của Bộ Quốc phòng, nên chưa nhu cầu sử dụng nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện dự án Hỗ trợ mô hình bộ đội gắn kết với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc nội dung 04, nội dung thành phần 02, Hợp phần thứ hai của dự thảo Nghị quyết.	Tiếp thu ý kiến không quy định nội dung "mô hình bộ đội gắn kết với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" tại dự thảo Nghị quyết.
6	Sở Khoa học và Công nghệ	Công văn số 4280/SKHCN-CĐS ngày 24/7/2026	**Dự thảo Nghị quyết:** - Điều chỉnh nội dung "thôn khó khăn" thành "thôn đặc biệt khó khăn" để phù hợp với quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý.

			giai đoạn 2026 – 2030. - Điều chỉnh nội dung "Định mức hỗ trợ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/điểm/tháng" thành "Định mức hỗ trợ tối đa 250.000 đồng/điểm/tháng", để thống nhất cách áp dụng với các định mức khác tại dự thảo.	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 3290/SGDĐT-GDTXNN ngày 23/7/2026	**1.** Tại khoản 4 Điều 3, dự thảo Nghị quyết chỉnh sửa, bổ sung thành: "4. Hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề (trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng) cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị. a) Hỗ trợ chi phí đào tạo: - Người học là lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, lao động nghèo khu vực đô thị: tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học; - Người học là lao động ở khu vực nông thôn: tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học; b) Hỗ trợ tiền ăn, đi lại: - Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo là 50.000 đồng/người/ngày thực học; - Hỗ trợ tiền đi lại cho người lao động từ nơi ở hiện tại đến địa điểm đào tạo theo định mức như sau: 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên; 300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 5 km trở lên. c) Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước, những người trước đây đã được hỗ trợ đào tạo theo các chính sách hiện hành khác của Nhà nước thì không được tiếp	**1.** Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý.

			tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách quy định tại Nghi quyết này. Trường hợp người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại Nghị quyết này nhưng tối đa không quá 03 lần/người.". **2.** Bổ sung, chỉnh sửa tương tự tại hồ sơ dự thảo.	**2.** Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến góp ý.
8	UBND xã Bình Gia	Công văn số 1518/UBND-KT ngày 21/7/2026	**1.** Tại Điều 2 Đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị quyết quy định: "Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030". Tuy nhiên tại nội dung điều 03 lại có quy định một số nội dung sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển của Chương trình, cụ thể tại: Điểm b, Khoản 1, Điều 3; Điểm a, b, Khoản 14, Điều 3. Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, xem xét lại các nội dung trên đảm bảo thống nhất.	**1.** Giữ nguyên như dự thảo Nghi quyết: - Điểm b, Khoản 1, Điều 3: Theo Hướng dẫn số 3024/HD-BCT của Bộ Công Thương, nguồn kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm xây dựng, nhân rộng mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí bảo đảm an toàn thực phẩm được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương (bao gồm vốn đầu tư công và nguồn kinh phí sự nghiệp) và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đối với Nghị quyết này chỉ quy định mức hỗ trợ thực hiện bằng nguồn kinh phí sự nghiệp, do đó, trong phạm vi Nghị quyết này, nội dung hỗ trợ được xác định để thực hiện đối với các hạng mục sửa chữa, cải tạo nhỏ, bổ sung cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng các tiêu chí

				của TCVN 11856:2017 và phục vụ xây dựng, nhân rộng mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm; không bao gồm việc xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo, nâng cấp tổng thể công trình chợ. - Điểm a, b, Khoản 14, Điều 3: theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 Thông tư 02/2026/TT-BDTTG ngày 04/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, quy định: *"Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của Chương trình: kinh phí thường xuyên hỗ trợ thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này"*, bao gồm hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở.
			2. Tại Điểm c, Khoản 4, Điều 3 quy định: "c) Tư vấn hướng nghiệp, học 2 nghề, khởi nghiệp lao động vùng đồng bào DTTS&MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị: Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, tư vấn, nói chuyện theo các chuyên đề về hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề; tổ chức chương trình, ngày hội tư vấn hướng nghiệp, các hoạt động khởi nghiệp". Đối với nội dung trên tại dự thảo chỉ hướng dẫn nội dung chi, chưa có quy định về định mức chi đối với các nội dung được chi, các văn bản pháp lý quy định về định mức chi đối với các nội dung chi. Đề nghị xem xét, bổ sung.	**2.** Tiếp thu, rà soát theo ý kiến góp ý: Sở Giáo dục và Đào tạo đã đề xuất chỉnh sửa, bổ sung nội dung quy định.
			3. Tại các Điểm c, d, đ, Khoản 8, Điều 3 quy định: "c) Chi hỗ trợ an sinh xã hội: 10 triệu đồng/năm. D) Chi hỗ	**3.** Tiếp thu, rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý: Ủy ban MTTQ Việt

			trợ công tác bảo vệ môi trường: 24 triệu/năm (2 triệu/tháng). Đ) Chi hỗ trợ hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ: 5 triệu đồng/năm.” Đề nghị làm rõ mức hỗ trợ trên là hỗ trợ cho 01 xã/năm hay là định mức hỗ trợ cho 01 thôn/năm?	Nam tỉnh đã đề xuất, chỉnh sửa nội dung, mức hỗ trợ.
			4. Tại các Điểm a, b, c, Khoản 18, Điều 3 quy định: “a) Xây dựng mới Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn: Mức hỗ trợ 800 triệu đồng/thôn. b) Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn đã xuống cấp: Mức hỗ trợ 600 triệu đồng/thôn. c) Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phù hợp với quy mô và chức năng của thiết chế: Mức hỗ trợ 80 triệu đồng/thôn.” Hiện nay sau khi thực hiện sáp nhập các thôn, quy mô số hộ dân tại các thôn tăng rất nhiều so với trước, trung bình mỗi thôn đều có quy mô trên 150 hộ, có thôn quy mô trên 300 hộ dân. Việc đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng các nhà văn hoá thôn là rất cần thiết để đáp ứng đủ chỗ ngồi, các hoạt động sinh hoạt văn hoá, văn nghệ tại các thôn. Với số lượng hộ dân như hiện nay, quy mô các nhà văn hoá thôn phải tương ứng hoặc lớn hơn các nhà văn hoá xã trước đây, mức đầu tư dự kiến từ 3-4 tỷ đồng/nhà văn hoá thôn. Do vậy đề nghị xem xét nâng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các nội dung trên cụ thể như sau: “a) Xây dựng mới Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn: Mức hỗ trợ 3.000 triệu đồng/thôn. B) Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn đã xuống cấp: Mức hỗ trợ 1.000 triệu đồng/thôn. C) Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phù hợp với quy mô và chức năng của thiết chế: Mức hỗ trợ 200 triệu đồng/thôn.”	**4.** Dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung so với dự thảo xin ý kiến: Sau khi rà soát, họp Tổ soạn thảo thống nhất không quy định nội dung trong dự thảo Nghị quyết do nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết. Do nội dung này sử dụng **vốn đầu tư phát triển**: Theo hướng dẫn tại nội dung 1.1, khoản 1, mục I, Hướng dẫn số 2770/HD BVHTTDL ngày 15/5/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định: “1.1. Vốn đầu tư phát triển: ... **c) Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;...**”

9	UBND xã Na Sầm	Công văn số 1594/UBND-KT ngày 22/7/2026	**1.** Về hỗ trợ mô hình phát triển kinh tế lâm nghiệp, cộng đồng, hộ gia đình Tại khoản 10 Điều 3 dự thảo quy định hỗ trợ không quá 250 triệu đồng/ha đối với các mô hình phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế của rừng; mô hình trồng rừng gỗ lớn; phát triển kinh tế dưới tán rừng; phát triển lâm sản ngoài gỗ và các mô hình kinh tế lâm nghiệp. Đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể hơn về đối tượng, điều kiện, nội dung chi và định mức hỗ trợ đối với từng loại mô hình, đồng thời xem xét mở rộng các mô hình phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Lạng Sơn như trồng rừng gỗ lớn, phát triển cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế, cây mắc ca, cây dẻ lấy hạt, phát triển lâm sản ngoài gỗ và mô hình nông – lâm kết hợp. Việc quy định rõ sẽ tạo thuận lợi cho các xã trong quá trình xây dựng phương án, lập dự toán và tổ chức thực hiện.	**1.** Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung mức hộ trợ đối với mô hình phát triển kinh tế lâm nghiệp, cộng đồng, hộ gia đình thuộc nội dung 02, nội dung thành phần 02, Hợp phần thứ hai. Các nội dung cụ thể về điều kiện, nội dung thực hiện mô hình đã được quy định tại các văn bản của Trung ương, trong quá trình thực hiện Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ có hướng dẫn thực hiện các nội dung, nội dung thành phần của Chương trình, bao gồm mô hình phát triển lâm nghiệp, cộng đồng, hộ gia đình.
			2. Về hỗ trợ xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP tại Khoản 12, Điều 3 dự thảo quy định hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP với mức hỗ trợ 50% tổng chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/điểm. - Đề nghị xem xét bổ sung hoặc làm rõ nội dung hỗ trợ đối với xây dựng, nâng cấp điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gắn với vùng sản xuất, hợp tác xã, cơ sở sản xuất và các điểm du lịch nông thôn; ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm OCOP có sản lượng lớn, có tiềm năng mở rộng thị trường nhưng còn khó khăn trong khâu quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.	**2.** Giữ nguyên như dự thảo, do: - Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 7, Thông tư 60/2026/TT-BTC *"Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: ... quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không vượt* ***định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định****";* đồng thời, theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Đề án "Chương trình mỗi xã một sản

				phẩm tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2030", mục tiêu giai đoạn 2026-2030 có thêm 07 điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Dó đó, dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.
			- Đồng thời, đề nghị nghiên cứu bổ sung các nội dung hỗ trợ về xây dựng thương hiệu, bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, quảng bá và kết nối tiêu thụ sản phẩm, nhằm nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm OCOP trên thị trường.	- Giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết do: Các nội dung hỗ trợ này đã được quy định tại Khoản 2, Điều 19 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
			3. Về hỗ trợ mô hình du lịch nông thôn Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo quy định hỗ trợ tối đa 70% tổng kinh phí thực hiện một mô hình, tối đa 200 triệu đồng/mô hình. Đề nghị nghiên cứu nâng mức hỗ trợ tối đa hoặc có cơ chế hỗ trợ phù hợp đối với các mô hình có quy mô lớn, có khả năng tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và thu hút khách du lịch; đồng thời làm rõ các nội dung được hỗ trợ như xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan, vệ sinh môi trường, quảng bá, đào tạo nhân lực và xây dựng sản phẩm du lịch cộng đồng.	**3.** Giữ nguyên như nôi dung dự thảo, do: Căn cứ Khoản 2, Điều 23 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của Chương trình: *a) **Vốn đầu tư công** sử dụng để hỗ trợ nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng các mô hình du lịch (giao thông, nước sạch, y tế, nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo, hạ tầng số và kết nối viễn thông, thu gom và xử lý rác thải, nước thải,…)* *b) **Kinh phí thường xuyên** hỗ trợ*

				thực hiện nội dung sau: Hỗ trợ xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp gắn với các công trình, đường giao thông kết nối, các khu vực công cộng trong các mô hình du lịch; Tổ chức các hoạt động truyền thông về du lịch nông thôn trong nước và quốc tế, trên các mạng xã hội; ...; Trên cơ sở các nội dung được hỗ trợ từ kinh phí chi thường xuyên, các nội dung hỗ trợ nhằm hoàn thiện thêm các điều kiện xây dựng mô hình du lịch nông thôn về cảnh qua, truyền thông, yêu cầu về kinh phí thực hiện không quá lớn. Do đó, đề xuất mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 70% tổng kinh phí thực hiện mô hình, tối đa 200 triệu đồng/mô hình, đảm bảo thực hiện các nội dung hỗ trợ để triển khai thực hiện hoàn thiện mô hình.
			4. Về hỗ trợ mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu và mô hình "nông nghiệp xanh" Đề nghị bổ sung, làm rõ tiêu chí lựa chọn mô hình, đối tượng thụ hưởng và nội dung chi hỗ trợ để các địa phương có cơ sở triển khai thống nhất. Đặc biệt, cần ưu tiên các mô hình gắn với phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, bảo vệ môi trường, phân loại và xử lý rác thải tại nguồn, phát triển cảnh quan nông thôn và nâng cao thu nhập cho người dân.	**4.** Giữ nguyên như nội dung dự thảo Nghị quyết, do: Tại điểm d, Khoản 1, Điều 32, Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định: "d) Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng

				đồng: …; ***Ủy ban nhân dân xã tổ chức lựa chọn thôn, khu dân cư trên địa bàn để xây dựng mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu*** *tiêu biểu, làm cơ sở nhân rộng trên các địa bàn khác trong và ngoài xã.* ***Mô hình khu dân cư kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất (về sản xuất, giáo dục, văn hóa, du lịch cộng đồng, cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự…)*** *mang giá trị đặc trưng của địa phương.* ***Nội dung của mô hình có thể bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 của Điều này****; …"* đã quy định về nội dung, tiêu chí, cơ quan lựa chọn thực hiện mô hình.
			5. Về hỗ trợ mô hình tiêu dùng xanh, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn Đề nghị nghiên cứu nâng mức hỗ trợ đối với mô hình quy mô thôn, bản, cụm dân cư trong trường hợp thực hiện đồng bộ các nội dung thu gom, phân loại, xử lý, tái chế và tái sử dụng chất thải; đồng thời bổ sung nội dung hỗ trợ mua sắm dụng cụ, thiết bị thu gom, phân loại rác, thùng chứa rác, điểm tập kết và xử lý rác thải phù hợp với điều kiện thực tế ở khu vực nông thôn, miền núi.	**5.** Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến góp ý.
			6. Về hỗ trợ xây dựng mới, cải tạo Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn 3 Tại khoản 18 Điều 3 dự thảo quy định mức hỗ trợ xây	**6.** Dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung so với dự thảo xin ý kiến:

			dựng mới Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn là 800 triệu đồng/thôn; cải tạo, nâng cấp là 600 triệu đồng/thôn và hỗ trợ trang thiết bị 80 triệu đồng/thôn. Đề nghị nghiên cứu nâng mức hỗ trợ xây dựng mới Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn là 1.000 triệu đồng/thôn; (Lý do: sau khi các thôn mới sáp nhập có địa bàn rộng, giao thông khó khăn, chi phí vận chuyển vật liệu xây dựng lớn). Đồng thời đề nghị bổ sung thêm điều kiện địa điểm xây dựng mới Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của đất phương.	Sau khi rà soát, họp Tổ soạn thảo thống nhất không quy định nội dung trong dự thảo Nghị quyết do nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết. Do nội dung này sử dụng **vốn đầu tư phát triển**: Theo hướng dẫn tại nội dung 1.1, khoản 1, mục I, Hướng dẫn số 2770/HD BVHTTDL ngày 15/5/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định: "1.1. Vốn đầu tư phát triển: ... **c) Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;** …."
			7. Về hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo Tại khoản 16 Điều 3 dự thảo quy định mức hỗ trợ từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng/hộ/năm. Đề nghị làm rõ tiêu chí xác định mức hỗ trợ 15 triệu đồng và 20 triệu đồng/hộ/năm, cơ chế lựa chọn đối tượng, phương thức hỗ trợ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát sử dụng nguồn hỗ trợ. Đồng thời, đề nghị ưu tiên hỗ trợ các hộ có phương án sản xuất cụ thể, có khả năng phát triển sinh kế bền vững, tránh tình trạng hỗ trợ dàn trải, hiệu quả thấp.	**7.** Giữ nguyên như nội dung dự thảo, do dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; các nội dung về đối tượng, nội dung đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 02/2026/TT-BDTTG ngày 04/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Về đề xuất mức hỗ trợ: Vận dụng mức hỗ trợ theo khoản 17, Điều 1, Thông tư số 112/2025/TT-BTC ngày 28/11/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 55/2023/TT-BTC

				ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách.
			8. Về tính thống nhất và khả năng triển khai tại cơ sở Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định hoặc hướng dẫn cụ thể về trình tự, hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt mô hình, phương án hỗ trợ, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí, nhất là đối với các mô hình hỗ trợ có nhiều nội dung và có sự tham gia của người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và cộng đồng dân cư. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu ban hành hướng dẫn thực hiện đồng bộ ngay sau khi Nghị quyết được ban hành để các xã, phường có căn cứ triển khai, hạn chế tình trạng phải chờ hướng dẫn dẫn đến chậm thực hiện và giải ngân nguồn vốn.	**8.** Giữ nguyên như nội dung dự thảo do nội dung đề nghị bổ sung thuộc trách nhiệm triển khai Nghị quyết của UBND tỉnh; đồng thời quy định về đối tượng, nội dung, hướng dẫn thực hiện đã được các Bộ, ngành chủ trì các nội dung, nội dung thành phần quy định, hướng dẫn. Để triển khai thực hiện Chương trình các Sở , ngành theo chức năng , nhiệm vụ được giao chủ trì các nội dung, nội dung thành phần căn cứ các Thông tư, hướng dẫn của các Bộ, ngành chủ trì, Nghị quyết của HĐND tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn triển khai thực hiện đối với từng nội dung đảm bảo thống nhất, đồng bộ (*về đối tượng, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ theo*

				từng, nội dung thành phần).
10	Xã Đồng Đăng	Công văn số 1973/UBND-KT ngày 24/7/2026	Tại Khoản 5, Điều 3 dự thảo Nghị quyết: "5. Hỗ trợ mô hình "thôn thông minh" thuộc nội dung 02, nội dung thành phần 06, Hợp phần thứ nhất. Hỗ trợ duy trì gói cước Internet cáp quang băng rộng tại Nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tại thôn khó khăn thuộc xã nhóm 1 và xã nhóm 2. Định mức hỗ trợ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/điểm/tháng." Đề xuất: Bổ sung hỗ trợ đối với các thôn thuộc xã biên giới. Định mức hỗ trợ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/điểm/tháng.	Giữ nguyên như nội dung dự thảo: do hỗ trợ đối với thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã nhóm 1 và nhóm 2, do trong đó đã bao gồm cả các xã biên giới (nếu thuộc phạm vi thì hỗ trợ, không quy định riêng cho xã biên giới); đảm bảo hoàn thành Tiêu chí "**Có mô hình thôn thông minh**" quy định Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg.